TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 342/2019/DS-ST
Ngày: 30-8-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Thanh.

2. Ông Lê Hoàng Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Hà Thiên Tâm – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 08 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 07 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2019/QĐST- DS ngày 13 tháng 08 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V.

Trụ sở: đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc Minh T - Theo văn bản ủy quyền số 102/UQTA-VH.19 ngày 11/3/2019 (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông S, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Thường trú: đường D, phường E, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2019 của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Phạm Ngọc Minh T đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/11/2016, ông S và Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V (sau đây gọi tắt là Công ty tài chính V) ký hợp đồng tín dụng số 20161122-0009657 vay số tiền 18.903.722 đồng với lãi suất thỏa thuận 4.58%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận hợp đồng, ông S có trách nhiệm thanh toán số tiền 35.897.338 đồng (gồm cả gốc vả lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 30 tháng; 29 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.172.000 đồng, tháng cuối cùng 1.909.338 đồng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 01/01/2017.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính V 13 lần với tổng số tiền đã trả 18.012.000 đồng. Từ ngày 19/04/2018 đến nay, ông S không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Nay Công ty tài chính V yêu cầu Toà án buộc ông S phải thanh lý hợp đồng trả một lần toàn bộ số tiền nợ là 17.885.338 đồng (trong đó nợ gốc là 12.519.413 đồng và lãi quá hạn là 5.365.925 đồng), thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và lãi suất tiếp tục phát sinh theo thoả thuận cho đến khi trả dứt nợ.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập ông S đến Toà để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Sơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty tài chính V xin được vắng mặt và có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: rút một phần yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là 2.000.000 đồng và nợ lãi là 1.336.337 đồng, Ngân hàng cung cấp bản sao kê tính đến ngày 30/8/2019 thì ông S hiện còn nợ công ty số tiền là 14.519.000 đồng, trong đó nợ gốc là 10.519.413 đồng và lãi là 3.999.587 đồng.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 224, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự, đình chỉ một phần yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 2.000.000 đồng và nợ lãi là 1.336.337 đồng.

Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 20161122-0009657 ngày 22/11/2016 được ký kết giữa Công ty tài chính V và ông S, việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền 14.519.000 đồng, trong đó nợ gốc là 10.519.413 đồng và tiền lãi 3.999.587 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ trong hợp đồng tín dụng, có cơ sở xác định tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp về "Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn đang cư trú tại Quận M nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn bà Phạm Ngọc Minh T có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Ông S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 2.000.000 đồng và nợ lãi là 1.336.337 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20161122-0009657 giữa Công ty tài chính V và ông S lập ngày 22/11/2016 được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ bản tự khai do Công ty tài chính V cung cấp thể hiện ông S đã thanh toán số tiền là 18.012.000 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 09/7/2019 đến nay, ông S không thanh toán số tiền nợ bất cứ khoản nào cho Công ty. Do vậy, ông S vi phạm nghĩa vụ cam kết theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng đã ký và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Xét số tiền nợ gốc 18.903.722 đồng, Công ty tài chính V đã giải ngân cho ông S với số tiền là 12.800.000 đồng, ông S trả trước số tiền 5.118.220 đồng

theo văn bản thỏa thuận ngày 22/11/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng ông S chỉ thanh toán 15 lần với số tiền là 18.012.000 đồng (bao gồm tiền gốc và lãi), từ ngày 09/7/2019 đến nay ông S không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng. Do đó, căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự yêu cầu của nguyên đơn buộc ông S phải thanh toán số tiền gốc còn lại tính đến ngày 30/8/2019 là 10.519.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với tiền lãi: Các bên thỏa thuận mức lãi suất là 4.58%/tháng, việc thỏa thuận mức lãi suất giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, đồng thời không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu ông S thanh toán số tiền lãi còn thiếu tính đến ngày 30/8/2019 với số tiền 3.999.587 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của Công ty tài chính V yêu cầu ông S phải trả số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền nợ trên đã lâu, nếu tiếp tục kéo dài sẽ ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông S phải trả số tiền nợ trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm là 725.950 đồng theo quy định Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V về việc yêu cầu ông S trả số tiền 3.366.337 đồng (Trong đó: nợ gốc là 2.000.000 đồng, nợ lãi là 1.366.337 đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V về việc yêu cầu ông S trả nợ.

Buộc ông S thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V số tiền 14.519.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm mười chín ngàn) đồng

[Trong đó, nợ gốc là 10.519.413 đồng (Mười triệu năm trăm mười chín ngàn bốn trăm mười ba) đồng, nợ lãi là 3.999.587 (Ba triệu chín trăm chín mươi chín ngàn năm trăm tám mươi bảy) đồng], ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 725.950 (Bảy trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm năm mươi) đồng ông S chịu. Hoàn trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 447.134 (Bốn trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm ba mươi bốn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017116 ngày 20/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM,
- VKSND Quận M,
- Chi cục THADS Quận M,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nhất Dũng